

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HC-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Khải

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Triệu Tỷ

2/. Bà Lý Thị Sầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Trần Nhật Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Trí, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 11/2016/TLST-HC, ngày 22-7-2016 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HC ngày 01-9-2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đặng Việt H1, sinh năm 1958; hộ khẩu đăng ký thường trú: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên lạc: đường T, ấp C, thị trấn X, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1956, địa chỉ: đường T, ấp C, thị trấn X, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, theo Giấy ủy quyền ngày 03-02-2017 (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M

Địa chỉ: đường N, ấp V, thị trấn X, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Tín N, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M, theo Văn bản ủy quyền số 43/UBND-VP, ngày 16-01-2017 của Ủy ban nhân dân huyện M (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H2, sinh năm 1964, địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn C, sinh năm 1970, địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông C: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967, địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C, theo Giấy ủy quyền ngày 28-9-2017 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện là bà Đặng Việt H và người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:

Gia đình bà Đặng Việt H1 có phần đất tại thửa số 32, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (do cha bà H1 là ông Đặng Văn T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T đã chết năm 2002) giáp ranh với đất bà Lê Thị Đ (đã chết) ở thửa số 407 (nay ông Lê Văn H2 thừa kế sử dụng), trong quá trình canh tác từ trước đến giờ không có tranh chấp. Sau khi ông T chết thì bà H1 muốn làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện thừa kế. Đến ngày 18-12-2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M đến đo đạc thì gia đình bà H1 phát hiện 622m² đất của gia đình bà H1 từ trước đến nay canh tác ổn định đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Đ, tại thửa 407, tờ bản đồ số 08 (cấp đại trà năm 1992) là 1.000m² (thừa 622m²).

Trên thực tế thửa số 407, tờ bản đồ số 08 của bà Lê Thị Đ chỉ có một cái giếng (gọi là giếng hội) diện tích là 378 m². Sau khi hưởng thừa kế ông Lê Văn H2 đã chuyển nhượng lại phần đất có cái giếng này cho ông Lê Văn C (chuyển nhượng không có giấy tờ). Gia đình bà H1 có trao đổi với ông H2 và ông H2 cũng thừa nhận là thửa 407 của ông chỉ có một cái giếng, phần diện tích đất còn lại trong thửa 407 là của gia đình bà H1 nhưng không biết vì sao mà bà Lê Thị Đ lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến 1.000m². Ông H2 đã đồng ý thỏa thuận với gia đình bà H1 xác định lại diện tích cái giếng mà ông đã chuyển nhượng cho ông C, phần còn lại để gia đình bà H1 làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 14-01-2016 (âm lịch), gia đình bà H1 có mời ông Lê Văn H2 đến để trình bày thỏa thuận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa gia đình bà H1 và ông H2 đi đến thống nhất ranh giới cái giếng và đo đạc cụ thể như sau: Chiều ngang là 18m, chiều dài là 21m, tổng cộng diện tích là 378m². Cùng thời điểm đó có sự chứng kiến của các ông Đặng Văn D, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn M và Phan Văn L cư ngụ cùng ấp. Sau đó ông Lê Văn C đã nhổ cột mốc mà gia đình bà H1 và ông H2 thỏa thuận xác định nên gia đình bà H1 đưa vụ việc đến ấp, xã giải quyết. Trong quá trình hòa giải, Hội đồng giải quyết tranh chấp đất đai xã T buộc ông H2 chuyển nhượng hết thửa 407 cho ông Lê Văn C.

Nay bà H1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M đã cấp cho bà Lê Thị Đ

ngày 24-9-1992 (ông Lê Văn H2 thừa kế sử dụng) đối với thửa số 407, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, diện tích là 1.000m² (do đã cấp thửa 622m²) để gia đình bà H1 tiến hành đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên.

Tại văn bản số 499/UBND-VP ngày 22-8-2016 và tại Văn bản số 826/UBND-VP ngày 27-12-2016, người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND huyện M trình bày:

Việc UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24-9-1992 cho bà Lê Thị Đ tại thửa đất số 407, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.000m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Đ, đã được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND xã H xét đủ điều kiện, được Phòng Nông nghiệp-Địa chính huyện (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện) thẩm định, trình UBND huyện M ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Đ. Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Đ là đúng trình tự, thủ tục theo quy định (thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà cho người dân).

Tại Văn bản phúc đáp ngày 04-8-2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H2 trình bày:

Phần đất ông Lê Văn T đứng tên là thửa số 32, tờ bản đồ số 08 (hiện nay bà Đặng Việt H1 đang quản lý) giáp ranh với phần đất của mẹ ông là bà Lê Thị Đ đứng tên, ở thửa số 407, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.000m² (hiện nay ông là người thừa kế), đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24-9-1992. Phần đất trên từ trước đến nay không có tranh chấp.

Ngày 14-01-2016, vợ chồng bà Đặng Việt H1 có kêu ông đến chỗ thửa đất số 407 để xác định ranh gốc. Lúc đó chồng của bà H1 là ông Nguyễn Minh T cùng con trai ông T đo và cắm cọc và tự cho là cái giếng hội chỉ có diện tích 378m², chứ lúc đó không có làm giấy tờ gì để ông ký tên xác định ranh gốc cả. Sau đó ông Lê Văn C đã nhổ bỏ cọc ranh do ông T cấm vì lúc cắm cọc không có mặt ông C.

Nay ông xác định phần đất có cái giếng hội thuộc thửa số 407 nêu trên có diện tích 1.000m² và ông đã chuyển nhượng hết diện tích đất trên cho ông Lê Văn C vào năm 1996. Việc bà H1 cho rằng diện tích thửa đất số 407 nêu trên chỉ có diện tích 378m² và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện M đã cấp cho mẹ của ông là bà Lê Thị Đ với lý do cấp thửa 622m² là không có cơ sở pháp lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C và người đại diện hợp pháp của ông C trình bày về nguồn gốc, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 407 nêu trên giống như lời trình bày của ông Lê Văn H2 và yêu cầu giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Đ.

Tại "Đơn xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng" ngày 27-9-2017 người đại

diện hợp pháp của người bị kiện trình bày vẫn giữ quan điểm đã nêu tại Văn bản số 499/UBND-VP, ngày 22-8-2016 và Văn bản số 826/UBND-VP, ngày 27-12-2016 của UBND huyện M.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M đã cấp cho bà Lê Thị Đ ngày 24-9-1992, đối với thửa số 407, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 1.000m².

Tại phiên tòa, người đại diện theo y quyền của ông Lê Văn C đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến nhận xét Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy bỏ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện M đã cấp cho bà Lê Thị Đ ngày 24-9-1992, đối với thửa số 407, tờ bản đồ số 08, ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 1.000m², để điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chính xác và đúng diện tích đất gia đình bà Lê Thị Đ quản lý, sử dụng trước đây (nay gia đình ông Lê Văn C đang quản lý, sử dụng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện M vắng mặt, nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Riêng ông Lê Văn H2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 157 của Luật tố tụng hành chính.

*** Về thời hiệu khởi kiện:**

[2] Vào tháng 12-2015, bà Đặng Việt H1 mới biết được bà Lê Thị Đ đã được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24-9-1992 đối với phần đất MNhg (mặt nước hoang) diện tích 1.000m², tại thửa số 407, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 12-7-2016, bà Đặng Việt H1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của bà Lê Thị Đ là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật, bởi vì điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 quy định:

Thời hiệu khởi kiện là một năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

*** Về nội dung:**

[3] Ngày 19-02-1992, bà Lê Thị Đ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các phần đất gia đình bà Đ quản lý, sử dụng, bao gồm các thửa số 444, loại đất T (thổ cư), diện tích 360m²; thửa số 30, loại đất LNK (lâu năm khác), diện tích 1.400m²; thửa số 407, loại đất Mn/Hg (mặt nước hoang), diện tích 1.000m²; thửa số 53, diện tích 7.565m², loại đất mùa và thửa số 57, diện tích 6.630m², loại đất mùa, cùng tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 40). Ngày 24-9-1992, UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 233196 cho bà Lê Thị Đ (bút lục số 20), trong đó có thửa số 407, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000m², mục đích sử dụng: MNhg (mặt nước hoang).

[4] Ngày 16-5-1992, ông Đặng Văn T (cha của bà Đặng Việt H1) có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các phần đất gia đình ông T đang quản lý, sử dụng, bao gồm các thửa số 32, diện tích 3.169m², loại đất LNK (lâu năm khác); thửa số 366, diện tích 1.050m², loại đất T (thổ cư) và thửa số 33, diện tích 13.800m², loại đất mùa, cùng tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (bút lục số 39). Ngày 24-9-1992, UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 233151 cho ông Đặng Văn T (bút lục số 21).

[5] Theo sơ đồ trong các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thể hiện thửa đất số 407 của bà Lê Thị Đ hướng Đông và hướng Nam giáp thửa số 32 của ông Đặng Văn T, hướng Bắc giáp thửa số 33 của ông Đặng Văn T và thửa số 38 của ông Ngô Văn L, hướng Tây giáp thửa số 37 của ông Nguyễn Văn H (Nguyễn Văn M). Như vậy, phù hợp với sơ đồ tổng thể khu vực có các thửa đất nêu trên do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện M cung cấp cho Tòa án (bút lục số 85), đó là: Thửa 407, diện tích 1.000m², hướng Đông và Nam giáp thửa số 32; hướng Tây giáp thửa số 37 và hướng Bắc giáp thửa số 33 và thửa số 38.

[6] Theo lời trình bày của bà Đặng Việt H1 tại đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà H1 trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng ngày 10-8-2017 (bút lục từ số 107-109) thì phần đất gia đình bà Đặng Việt H1 đang quản lý, sử dụng, trên đó có mồ mả chôn những người thân trong gia đình bà H1, có vị trí và kích thước như sau: Hướng Đông giáp phần ao nuôi tôm gia đình ông Lê Văn C đang sử dụng, có số đo 21m và 3,2m; hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn H, có số đo 25,3m; hướng Nam giáp thửa 32 của bà Đặng Việt H1 (không có bờ ranh), có số đo 46,4m; hướng Bắc giáp đất ông Ngô Văn L và bà Đặng Việt H1, có số đo 32,5m và 15m.

[7] Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 02-3-2017 do Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng lập (bút lục số 49-50) ông Lê Văn C và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn C đều trình bày phần đất thuộc thửa 407 gia đình ông C đang quản lý sử dụng làm ao nuôi tôm là do gia đình

ông C nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn H2 vào năm 1996, chỉ làm giấy trao tay, chưa tiến hành thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định, phần đất này có cái giếng hội, hướng Tây giáp phần đất gia đình bà H1 đang quản lý, sử dụng, trên đó có mồ mả chôn những người thân của gia đình bà H1, hướng Đông giáp đất của bà Lê Thị T (em ông H2), hướng Nam giáp thửa số 32 của gia đình ông T, hướng Bắc giáp thửa số 33 của gia đình ông T. Phần đất này từ trước đến nay không có tranh chấp với gia đình ông T, bà H1. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bà H1 trình bày rằng phần đất có mồ mả nêu trên gia đình ông T (nay là bà H1) quản lý, sử dụng từ trước đến nay, đất có nguồn gốc một phần là của ông bà để lại, một phần khoảng 200m² là do bà C (không rõ họ) cho tặng ông T vào khoảng năm 1979 (không làm giấy tờ cho tặng), không phải là đất nhận chuyển nhượng của người khác, ông T chưa kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất trên.

[8] Tại Biên bản về việc tư vấn đất đai giữa bà Đặng Việt H1 và ông Lê Văn H2 do UBND xã T lập vào ngày 02-6-2016 (bút lục số 07-08), ông Lê Văn H2 trình bày: "...*phần đất này là mẹ tôi đứng tên là bà Lê Thị Đ. Phần đất này mẹ cho tôi thừa kế, sau đó tôi có chuyển nhượng cho ông Lê Văn C hết hai thửa đất là thửa số 407 và thửa số 444, tờ bản đồ số 8 của ấp H, xã T, huyện M. Sau khi chuyển nhượng theo quyền sử dụng đất nên không có đo đạc lại và chuyển nhượng quá lâu nên không xác định được ranh do canh tác bị biến động hiện trạng*". Tại "Tờ sang nhượng cái giếng" ngày 14-01-1996 của ông Lê Văn H2 (bút lục số 51) cũng thể hiện ông H2 chuyển nhượng cho ông Lê Văn C một cái giếng và cây cối trên mặt giếng, miệng giếng (không ghi diện tích đất chuyển nhượng là bao nhiêu). Như vậy, khi ông Lê Văn H2 chuyển nhượng phần đất có cái giếng hội thuộc thửa số 407 cho ông Lê Văn C, ông H2 cũng không biết rõ diện tích cái giếng hội là bao nhiêu và cũng không biết rõ diện tích thực tế bà Lê Thị Đ (sau này là ông H2) quản lý sử dụng tại thửa 407 là bao nhiêu, khi ông H2 chuyển nhượng đất cho ông C chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng 1.000m², chứ không đo đạc thực tế.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C là bà Lê Thị T cũng thừa nhận UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Đ đối với thửa số 407 nêu trên là không đúng vị trí, vì đã cấp chồng lên phần đất có mồ mả của gia đình bà Đặng Việt H1.

[10] Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định được rằng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 233196 do UBND huyện M cấp cho bà Lê Thị Đ ngày 24-9-1992 đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000m², loại đất MNhg (mặt nước hoang) là không chính xác, chưa đúng vị trí đất gia đình bà Lê Thị Đ quản lý, sử dụng, đã cấp chồng lên một phần đất của gia đình ông Đặng Văn T (nay bà Đặng Việt H1 đang quản lý, sử dụng), trên đất có mồ mả chôn những người thân của gia đình bà H1. Phần đất này từ trước đến nay không có tranh chấp với bà Lê Thị Đ hoặc với gia đình ông Lê Văn C. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Việt H1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 233196 do UBND huyện M cấp cho bà Lê Thị Đ ngày 24-9-1992 đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000m², loại đất

MNhg (mặt nước hoang) để UBND huyện M xem xét điều chỉnh, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí, diện tích đất thực tế trước đây gia đình bà Lê Thị Đ quản lý, sử dụng (nay gia đình ông Lê Văn C đang quản lý, sử dụng).

[11] Do đó, việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn C tại phiên tòa là không cần thiết.

[12] Do đó, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Đặng Việt H1, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 233196 do UBND huyện M cấp cho bà Lê Thị Đ ngày 24-9-1992 đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000m², loại đất MNhg (mặt nước hoang) để UBND huyện M cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với vị trí, diện tích đất thực tế gia đình bà Lê Thị Đ trước đây quản lý, sử dụng (nay gia đình ông C đang quản lý, sử dụng) là có căn cứ để chấp nhận.

[13] Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc phần đất là 2.939.300đ (hai triệu, chín trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm đồng). Người bị kiện là UBND huyện M phải có trách nhiệm chịu chi phí nêu trên theo quy định tại khoản 1 Điều 358 của Luật tố tụng hành chính. Do bà Đặng Việt H1 đã tạm ứng số tiền nêu trên và Tòa án đã sử dụng hết cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc đất, nên người bị kiện là UBND huyện M phải nộp số tiền trên để trả lại cho bà H1.

[14] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận, nên người khởi kiện là bà Đặng Việt H1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bà H1 được nhận lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001242 ngày 20-7-2016. Người bị kiện là UBND huyện M phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 348 và khoản 1 Điều 358 của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Chấp yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là bà Đặng Việt H1.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 233196 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho bà Lê Thị Đ ngày 24-9-1992 đối với thửa đất số 407, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.000m², loại đất MNhg (mặt nước hoang), tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, để cấp lại cho đúng vị trí, diện tích đất thực tế gia đình bà Lê Thị Đ trước đây quản lý, sử dụng (nay gia đình ông C đang quản lý, sử dụng).

2/. Về trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc đất: Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M phải có trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc đất với số tiền là 2.939.300đ (hai triệu, chín trăm ba mươi chín ngàn, ba trăm đồng). Do bà Đặng Việt H1 đã tạm ứng số tiền nêu trên để sử dụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc đất, nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M phải nộp số tiền trên để trả lại cho bà H1.

3/. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Bà Đặng Việt H1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Bà H1 được nhận lại số tiền 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh S theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001242 ngày 20-7-2016.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh S;
- UBND tỉnh S;
- Lưu (Hồ sơ VA, Tòa HC).

(Đã ký)

Huỳnh Đức Khải